TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2018/DS-PT
Ngày: 27/11/2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp
Ông Huỳnh Châu Thạch

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc***:*** "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".*

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố DL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 301/2018/QĐ-PT ngày 29/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 134/2018/QĐ-PT ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ch, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Số X TKD, phường y, thành phố Đà Lạt.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Chị Lê Thị Yến V, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Số x ĐT, phường y, thành phố Đà Lạt.

(Văn bản ủy quyền lập ngày 09/3/2018)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm: 1958;

Địa chỉ: Số x cư xá HV, phường z, thành phố Đà Lạt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Ch.

(Chị V có mặt tại phiên tòa; bà L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2018 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Ch cũng như chị Lê Thị Yến V là người đại diện theo ủy quyền cho bà Ch trình bày:

Bà Ch và bà L trước đây không quen biết nhau, tình cờ bà Ch biết được bà L cần tiền để đóng thuế nhà đất nên ngày 31/3/2016, bà Nguyễn Thị Hồng Ch và bà

Nguyễn Thị Thu L có ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng DL, với nội dung: Bà Ch cho bà L vay số tiền là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 03 tháng; lãi suất theo lãi suất ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm ký hợp đồng, không thế chấp. Sau khi ký hợp đồng bà Ch đã giao tiền cho bà L ngay tại phòng Công chứng, việc giao tiền không lập giấy tờ, không có người làm chứng. Sau khi vay tiền bà L không trả nợ gốc cũng như nợ lãi.

Nay bà Nguyễn Thị Hồng Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L trả 150.000.000đồng nợ gốc, nợ lãi là 150.000.000đồng x 0,75% x 29 tháng (từ ngày 31/3/2016 đến ngày 30/8/2018) là 32.625.000đồng, tổng cộng 182.625.000đồng.

Theo trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L thì:

Bà không quen biết bà Ch, nhưng bà nhờ anh Kh làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở. Anh Kh nói ngoài các khoản chi phí khác thì phải nộp thuế Nhà nước là 100.000.000đồng, do bà không có đủ tiền anh Kh giới thiệu bà với bà Ch là người quen của anh Kh. Bà Ch cho bà vay tiền, khi nào cần lấy tiền để làm giấy tờ thì anh Kh sẽ lấy tiền ở bà Ch, hai bên làm sẵn hợp đồng, do có thỏa thuận như vậy nên bà đã ký hợp đồng vay bà Ch tại Công chứng, số tiền vay chỉ là 100.000.000đồng và 50.000.000đồng tiền lời gộp lại là 150.000.000đồng. Sau khi ký hợp đồng bà không nhận tiền, anh Kh không làm được sổ nên anh Kh cũng không lấy tiền. Sau này bà Ch có hứa làm sổ cho bà thay anh Kh nhưng bà Ch cũng không làm được.

Do vậy bà Ch nói sau khi ký hợp đồng vay tiền bà đã nhận tiền là không đúng nên không chấp nhận yêu cầu của bà Ch.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố DL đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Ch về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* đối với bà Nguyễn Thị Thu L.

Bà Nguyễn Thị Thu L không phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Ch 182.625.000đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Ch phải chịu 9.131.250đồng án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đồng bà Ch đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004388 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố DL, bà Ch còn phải nộp 5.381.250đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 12/9/2018, nguyên đơn bà Ch có đơn kháng cáo không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm để buộc bà L phải trả 150.000.000đồng và tiền lãi theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, chị V là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bà L phải trả cho bà Ch số tiền 150.000.000đồng và tiền lãi theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L đã được tống đạt giấy triệu tập cũng như quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm nhưng bà L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Người kháng cáo bà Ch vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị Lê Thị Yến V là người đại diện theo ủy quyền cho bà Ch có mặt tại phiên tòa.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Ngày 31/3/2016, giữa bà Ch và bà L có lập hợp đồng vay tiền. Thời hạn vay 03 tháng, nhưng đến hạn bà L không thanh toán cho bà Ch nên bà Ch khởi kiện yêu cầu bà L trả nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Tuy nhiên, bà L không đồng ý nên các phát sinh tranh chấp.

Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố DL là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Ch thì thấy rằng:

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 31/3/2016 bà Ch và bà L có ký hợp đồng vay tiền đã được Văn phòng công chứng DL chứng nhận cùng ngày (bút lục số 14-16). Theo hợp đồng vay tiền trên thì bà Ch cho bà L vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ch cũng như chị V là người đại diện theo ủy quyền cho bà Ch khai nhận, sau khi ký kết hợp đồng bà Ch đã giao tiền cho bà L ngay tại phòng Công chứng, việc giao tiền không lập giấy tờ, không có người làm chứng. Sau khi vay tiền bà L không trả nợ gốc cũng như nợ lãi.

Tuy nhiên, bị đơn bà L không thừa nhận việc nhận tiền của bà Ch. Bà L cho rằng bà có ký hợp đồng vay tại phòng công chứng nhưng thực tế không nhận tiền theo như hợp đồng.

Hơn nữa, trong hợp đồng vay tiền ngày 31/3/2016 (bút lục số 14-16) ghi rõ: "*Việc giao nhận số tiền cho vay do hai bên tự thỏa thuận thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật" và* về phương thức thanh toán thì theo Điều 4 của hợp

đồng vay tiền ghi rõ: *"Bên B thanh toán cho bên A số tiền lãi hàng tháng. Bên B thanh toán cho bên A số tiền gốc khi đến hạn trả. Khi giao nhận tiền hai bên có trách nhiệm lập biên bản nhận kèm theo"*.

Trong quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm bà Ch cũng không cung cấp được chứng cứ giao số tiền 150.000.000 đồng cho bà Lan.

Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Chị V là người đại diện theo ủy quyền cho bà Ch có cung cấp chứng cứ phô tô có nội dung: bà L có mượn của bà Ch số tiền 50.000.000 đồng; *"tổng cộng mượn của chị Chuyên 100.000.000đồng"*. Tuy nhiên, chứng cứ mượn tiền này là ngày 04/5/2016 trong khi bà Ch khai nhận việc giao nhận tiền 150.000.000 đồng giao ngay sau khi ký hợp đồng vay tại phòng công chứng ngày 31/3/2016.

Như vậy, số tiền không trùng khớp nhau về mặt thời gian và việc bà L viết mượn tổng cộng của bà Ch số tiền 100.000.000 đồng là ngày 04/5/2016 không phải ngày 31/3/2016. Tại phiên tòa hôm nay, chị V là người đại diện theo ủy quyền cho bà Ch cũng không lý giải được số tiền này. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ch.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Ch và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ch phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm *(do chị V nộp thay)* theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008554 ngày 04/10/2018 của Chi cục thi hành án dân thành phố DL.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Ch. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Ch về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* đối với bà Nguyễn Thị Thu L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu L phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Ch số tiền gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi 32.625.000đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Ch phải chịu số tiền 9.131.250đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 3.750.000 đồng bà Ch đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0004388 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố DL, bà Ch còn phải nộp 5.381.250đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Ch phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm *(do Chị V nộp thay)* theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008554 ngày 04/10/2018 của Chi cục thi hành án dân thành phố DL.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND TP. DL;
- CCTHADS TP. DL;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Hữu Nhân

-